


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

POLYMER		Logo của doanh nghiệp	
Số CAS: 9003- 05- 8 Số UN: Số đăng ký EC: 236- 79- 8 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
Tên thường gọi của chất: polymer, chất trợ lắng	Mã sản phẩm (nếu có)		
Tên thương mại:			
Tên khác (không là tên khoa học):			
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:		
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	CÔNG TY TNHH AQUA HIẾU LỘC		
Mục đích sử dụng: polimer được dùng trong công nghiệp xử lý nước thải, nước uống. Nó còn được dùng trong ngành công nghiệp giấy, dầu khí, xử lý ri đường, ...	ĐC: 750/72 đường Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP.HCM Email: aquahieuloc@gmail.com		
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Polymer	9003- 05- 8		
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)			
2. Cảnh báo nguy hiểm			
- Sản phẩm không cháy			
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh: chưa có thông tin			
3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng			
Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc trực tiếp.			
IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)			
Rửa sạch mắt với thật nhiều nước. Trong trường hợp dai dẳng kích ứng mắt, tham khảo ý kiến bác sĩ.			
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)			
Rửa da với nhiều nước và xà phòng để đề phòng. Trong trường hợp dai dẳng kích ứng, tham khảo ý			

kiến bác sĩ.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Không có môi nguy hiểm mà đòi hỏi các biện pháp cấp cứu đặc biệt.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Sản phẩm này không được xem là độc hại dựa trên nghiên cứu trên động vật thí nghiệm.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: không áp dụng

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): không áp dụng

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Carbon dioxide (CO₂). Bột, bột khô, nước, phun dung dịch nước hoặc bột mà trở nên ẩm ướt làm cho bề mặt cực kỳ trơn.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Như mọi đám cháy, trang bị quần áo bảo hộ và thiết bị thở thích hợp.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Không rửa bằng nước. Làm sạch kịp thời bằng cách quét hoặc hút chân không, đóng thùng để xử lý. Sau khi làm sạch, rửa đi dầu vết với nước.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh sự hình thành bụi, không hít bụi, rửa tay trước khi giải lao và cuối ngày làm việc.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Giữ ở nơi mát mẻ, khô ráo (0 – 35°C)

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...):

Sử dụng khí thải địa phương nếu bụi xảy ra. Thông gió tự nhiên là thích hợp.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: sử dụng mặt nạ an toàn, kính bảo hộ có che hai bên. Không đeo kính áp tròng khi làm việc với chất này.

- Bảo vệ thân thể: tạp dề khoáng hóa chất hoặc phù hợp với bảo vệ nếu nước hay tiếp với giải pháp có khả năng.

- Bảo vệ tay: găng tay cao su

- Bảo vệ chân: giày ủng bảo vệ

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: như khi làm việc

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...):

Xử lý phù hợp với vệ sinh công nghiệp tốt và thực hành an toàn. Rửa tay với nước khi nghỉ giải lao và cuối ngày làm việc.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: chất rắn	Điểm sôi (°C): chưa có thông tin
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): chưa có thông tin
Mùi đặc trưng:	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Nhiệt độ tự cháy (°C): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không áp dụng	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ hòa tan trong nước: tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): chưa có thông tin
Độ PH	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m ³)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Sản phẩm ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): các chất oxy hóa có thể xảy ra phản ứng tỏa nhiệt.
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): phân hủy do nhiệt có thể sản xuất oxit nitơ (Nox), Oxit cacbon (COx).
- Phản ứng trùng hợp: sự polymer hoá không xảy ra

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Polymer	LD50	>5000mg/kg	Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)

Theo ACGIH không có đột biến gen, không gây ung thư, không ảnh hưởng khả năng sinh sản.

2. Các ảnh hưởng độc khác: Không có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Polymer	Cá	LC50/96 giờ > 100mg/l	Chưa có thông tin
	Bobo	LC50/48 giờ > 100mg/l	
	Tảo	IC/Sc/72 giờ > 100mg/l	

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: không có

- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)

Xử lý phù hợp với các quy định của địa phương, tiểu bang, có thể chôn lấp hoặc đốt phù hợp với quy định của địa phương.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 10/10/2021

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH AQUA HIẾU LỘC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới

nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

